

Số: **3136** /TTr-UBND

Điện Biên, ngày **30** tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

Đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; số 50/2024/TT-BTC ngày 17/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Sau khi xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết Quy định mức chi phí cho tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên với nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Theo điểm d khoản 2 Điều 1, Thông tư số 50/2024/TT-BTC ngày 17/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, quy định: “*Trường hợp thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương*”.

Thực hiện điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi phí cho tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên là đúng thẩm quyền.

2. Cơ sở thực tiễn

Những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, mức chuẩn trợ cấp xã hội hàng tháng được nâng lên, đối tượng bảo trợ xã hội được mở rộng, số lượng đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội tăng lên qua các năm theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ (*số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013, số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 và số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024*); theo đó kinh phí chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội và chi phí cho đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả tăng hàng năm, cụ thể:

- Năm 2018, thực hiện theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP: Số đối tượng bảo trợ xã hội: 14.773 đối tượng, kinh phí chi cho đối tượng 68,316 tỷ đồng, phí dịch vụ chi trả 1,266 tỷ đồng.

- Năm 2022, thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP: Số đối tượng bảo trợ xã hội: 30.220 đối tượng, kinh phí chi cho đối tượng 175,69 tỷ đồng, phí dịch vụ chi trả 3,513 tỷ đồng.

- Năm 2024, thực hiện theo Nghị định số 76/2024/NĐ-CP: Số đối tượng bảo trợ xã hội: 35.210 đối tượng, , kinh phí chi cho đối tượng 283,23 tỷ đồng, phí dịch vụ chi trả 5,34 tỷ đồng.

- Tại thời điểm tháng 5 năm 2025 tiếp tục thực hiện Nghị định số 76/2024/NĐ-CP, tổng số đối tượng bảo trợ xã hội: là 34.995 đối tượng, kinh phí chi trả 26,186 tỷ đồng, chi phí chi trả cho tổ chức chi trả bưu điện là 497,3 triệu đồng.

(Có biểu so sánh chi tiết kèm theo)

Thực hiện các Nghị định của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các văn bản hướng dẫn thi hành. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 Quy định mức chi phí cho tổ chức thực hiện dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên; theo đó từ tháng 7/2017 đến nay mức phí chi trả cho đơn vị cung cấp

dịch vụ bằng 2% tổng số tiền chi trả trợ cấp thành công cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn.

Trong khi đó, tỉnh đang đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước, thực hiện các chính sách xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận dịch vụ an sinh xã hội thuận lợi nhất, đẩy mạnh chi trả không dùng tiền mặt cho đối tượng

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết Quy định mức chi phí cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác là cần thiết và phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nghị quyết ban hành nhằm điều chỉnh, bổ sung, thay thế quy định mức chi phí và hình thức chi trả cho các đơn vị, tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên; làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân các cấp; các đơn vị, tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội trên địa bàn tỉnh có cơ sở triển khai thực hiện kịp thời chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, bảo đảm thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt và các nội dung theo Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt vào chi trả chế độ cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đổi mới về tổ chức và đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực an sinh xã hội, bảo đảm chi trả kịp thời, nhanh chóng, công khai, minh bạch và tiết kiệm chi phí hành chính; góp phần đảm bảo công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

2. Quan điểm

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm đảm bảo phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành; phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh hiện nay và những năm tiếp theo; quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của tỉnh, không quy định lại các nội dung đã được quy định tại văn bản Luật, Nghị định.

Kịp thời bổ sung thêm các đơn vị, tổ chức có đủ điều kiện đáp ứng được yêu cầu chi trả trợ cấp xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, nâng cao chất lượng dịch vụ của đơn vị thực hiện chi trả, đảm bảo thực hiện công tác chi trả chính sách trợ giúp xã hội công khai, minh bạch, đồng thời tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước. Đảm bảo việc chi trả chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả, an toàn, thuận lợi; tạo tác động tích cực, ổn định đến kinh tế - xã hội và đời sống của Nhân dân.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ngày 15/01/2025, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 160/NQ-TTHĐND về việc chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2025. Ngày 30/5/2025, UBND tỉnh đã phân công xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh.

Theo nhiệm vụ được phân công, Sở Y tế đã xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên, gửi xin ý kiến tham gia của các cơ quan đơn vị và cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh; đồng thời đăng tải dự thảo văn bản và địa chỉ tiếp nhận ý kiến góp ý trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và của Sở Y tế.

Sau khi tổng hợp, tiếp thu, giải trình; Sở Y tế đã gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên; sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Y tế đã tiếp thu, chỉnh sửa và tiếp tục rà soát, hoàn thiện dự thảo trước khi trình UBND tỉnh theo quy định. Tại cuộc họp UBND tỉnh tháng 6 (lần 2), UBND tỉnh đã cho ý kiến hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và giao Sở Y tế chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết tham mưu cho UBND tỉnh nội dung các dự thảo trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết gồm 05 Điều:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2: Đối tượng áp dụng.

Điều 3: Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả và nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 4: Tổ chức thực hiện.

Điều 5: Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2.2. Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức dịch vụ chi trả chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn khác và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Các đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác bao gồm:

a) Đối tượng bảo trợ xã hội hưởng chính sách trợ cấp xã hội hằng tháng, hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng tại cộng đồng và hỗ trợ mai táng phí theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Đối tượng khó khăn khác được hưởng chính sách trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2.3. Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả và nguồn kinh phí thực hiện

- Mức chi phí đối với tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội bằng 1,6% trên tổng số tiền chi trả thành công cho các đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh.

- Nguồn kinh phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên được trích từ nguồn đảm bảo xã hội hằng năm đã giao theo phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước.

(Có dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh kèm theo)

Trên đây là nội dung Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên; UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các Ban thuộc HĐND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tài chính, Tư Pháp;
- Lưu: VT, KGVX^(PHN).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

BIỂU SO SÁNH KINH PHÍ CHI TRẢ CHO TỔ CHỨC DỊCH VỤ CHI TRẢ VÀ DỰ ƯỚC KINH PHÍ TÍNH THEO NĂM

(Kèm theo Tờ trình số: 3136 TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Đơn vị	Số đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội	Chi bằng tiền mặt		Chi tiền mặt (sau khi thực hiện chuyển vào tài khoản NH)		Chuyển vào tài khoản NH		Phí dịch vụ theo Quyết định 12/2017/QĐ-UBND (tỷ lệ 2%)		Phí dịch vụ ước tính theo Dự thảo Nghị quyết (1,6%)		
				Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Tháng 5/2025	Ước cả năm	Ước 1 tháng	Ước 1 năm	Chênh lệch
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=2%(4+6+8)	10=9*12	11=1,6%(4+6)	12=11*12	13=10-12
1	TP Điện Biên Phủ	1.812	1.320,0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	-	
2	Huyện Điện Biên	4.412	3.130,8			4.301	3.068,0	111	62,8	62,6	751,4	49,1	589,1	162,3
3	Huyện Tuần Giáo	6.140	4.851,3	135	264,5	5.406	4.129,0	599	457,7	97,0	1.164,0	70,3	843,6	320,4
4	Huyện Mường Chà	3.666	2.986,7	1.526	1.354,9	1.866	1.405,5	274	226,3	59,7	716,8	44,2	530,0	186,8
5	Huyện Tủa Chùa	3.871	3.016,8	319	298,1	3.510	2.714,3	42	4,4	60,3	724,0	48,2	578,4	145,6
6	Huyện Mường Nhé	2.850	2.124,9	740	573,5	2.093	1.533,7	17	17,7	42,5	509,9	33,7	404,4	105,5
7	Huyện Điện Biên Đông	4.632	3.574,2			3.565	2.741,4	1.067	832,8	71,5	857,8	43,8	525,6	332,2
8	Huyện Mường Ảng	2.851	1.099,0			1.559	1.099,0	1.092	49,0	22,0	263,8	17,6	211,2	52,6
9	TX. Mường Lay	464	355,0	29	57,5	373	255,5	62	41,9	7,1	85,2	5,0	60,1	25,1
10	Huyện Nậm Pồ	4.297	3.727,0	3.757	3.326,8	363	269,7	177	130,5	74,5	894,5	57,5	690,0	204,5
TỔNG		34.995	26.185,7	6.506	5.875,2	23.036	17.216,2	3.441	1.774,1	497,3	5.967,7	369,5	4.434,0	1.533,7